

KẾ HOẠCH

**triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024
của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Thông báo Kết luận số 17-TB/CQTTBCĐ, ngày 29/12/2025 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo về Thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương; Kế hoạch hành động số 08-KH/TU, ngày 29/8/2025 Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 13-KH/TU, ngày 08/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2025-2028, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trong năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

a) Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, bảo đảm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, có đóng góp thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2026; nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng - an ninh.

b) Cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW thành các mục tiêu, quy hoạch, chiến lược, đề án, dự án cụ thể, phù hợp với điều kiện của tỉnh. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương, xác định các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số dựa trên lợi thế của địa phương (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, du lịch,...); thúc đẩy các đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhân tài, công nghệ.

c) Tạo bước chuyển mạnh mẽ về nhận thức, thể chế, hạ tầng số, nhân lực số,

hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, từng bước xây dựng chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; thiết lập hệ sinh thái khởi nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo... phù hợp với thực tiễn của tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện, đòi hỏi sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và Nhân dân.

b) Xác định năm 2026 là năm “tăng tốc” với phương châm “hành động đột phá, lan tỏa kết quả”, chuyển từ cách làm theo kế hoạch sang cách làm theo mục tiêu và sản phẩm; từ “có làm” sang “làm đến nơi đến chốn”, nhận thức rõ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu về tiến độ và kết quả; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua.

c) Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao bảo đảm nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thời hạn”.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của nền kinh tế thông qua đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực; nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số TFP trong tăng trưởng GRDP của địa phương.

b) Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, từng bước hình thành trung tâm nghiên cứu - phát triển, kết nối chặt chẽ trung tâm nghiên cứu - phát triển với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; khơi dậy tinh thần sáng tạo và thu hút nguồn lực chất lượng cao từ trong và ngoài nước.

c) Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

d) Tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

đ) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn $\geq 80\%$.
- Có $\geq 80\%$ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.
- Duy trì Trung tâm giám sát an ninh mạng (SOC), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống.
- Có 80% trở lên cơ quan đảng cấp tỉnh, 60% trở lên cơ quan đảng cấp xã được trang bị thiết bị hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

b) Về phát triển nguồn lực

- Bố trí $\geq 1\%$ tổng chi ngân sách địa phương cho nhiệm vụ chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 2% GRDP.
- 90% cán bộ, công chức cấp xã trở lên được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 90% cán bộ, công chức, viên chức trở lên làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- Có từ 7 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.
- Có ít nhất 50% các cơ quan, đơn, vị, địa phương cấp xã có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 600 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.
- Có ≥ 70 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn
- Có ≥ 4 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh
- Mỗi năm có ≥ 40 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.
- Mỗi năm có ≥ 20 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.
- Có $\geq 45\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.
- Mỗi năm có ≥ 10 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (*sáng chế giải pháp hữu ích*).
- Có $\geq 15\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.
- Mỗi năm có ≥ 70 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 1 công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/ khu vực.

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 12 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
- Có ≥ 30 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Có ≥ 3 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.
- Có $\geq 10\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Mỗi năm có ≥ 15 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm có ≥ 10 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 01 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 70 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đến đổi mới sáng tạo.
- Có $\geq 10\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.
- Mỗi năm có ≥ 20 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh $\geq 0,65$ trở lên.
- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền được triển khai thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính phạm vi cấp tỉnh.
- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- 80% giao dịch hành chính thuộc diện phi tiếp xúc.
- 80% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 80% hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.
- Có $\geq 60\%$ hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- Có $\geq 80\%$ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông tới Trung ương.
- Có $\geq 55\%$ dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.
- Có $\geq 60\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 80\%$ người dân trên 14 tuổi, đủ điều kiện có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 5\%$.
- Có $\geq 100\%$ đảng ủy, chính quyền xã, phường, đặc khu sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Có 100% cơ quan, tổ chức đảng triển khai thực hiện 4 thủ tục hành chính⁽¹⁾ trong đảng.

- Có 100% hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Quy mô kinh tế số đạt 15% GRDP.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

a) Chỉ đạo xây dựng Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo, trong đó xác định rõ các nội dung mang tính đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực, làm động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số.

b) Chỉ đạo rà soát, hoàn thiện và thực hiện các cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ cán bộ chuyên trách, cán bộ làm công tác tham mưu triển khai Nghị quyết; quan tâm bố trí, sử dụng cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, công nghệ, kỹ thuật, chuyển đổi số ở các cơ quan, đơn vị, địa phương và tham gia cấp ủy các cấp, giữ các vị trí then chốt trong hệ thống chính trị.

c) Chỉ đạo lồng ghép đầy đủ, thực chất các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và lâu dài.

d) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, nghiên cứu, tham mưu xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh; đẩy mạnh thu hút đầu tư, thu hút nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nhất là đối với các dịch vụ công thiết yếu. Ưu tiên bố trí ngân sách, khuyến khích triển khai mô hình đối tác công tư (PPP), phát triển các quỹ đầu tư mạo hiểm; đồng thời chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ có năng lực đảm nhiệm các vị trí then chốt trong triển khai khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

đ) Chỉ đạo 04 khối (*Đảng, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc*) xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026, bảo đảm bám sát mục tiêu, nhiệm vụ chung của tỉnh và phù hợp với đặc thù từng khối.

⁽¹⁾ Gồm: Thu, nộp đảng phí, Lấy ý kiến nhận xét chỉ ủy, chỉ bộ đối với đảng viên nơi thực hiện nhiệm vụ cư trú, chuyển sinh hoạt đảng chính thức, chuyển sinh hoạt đảng tạm thời

e) Chỉ đạo xây dựng Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045, làm cơ sở định hướng lâu dài cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới.

g) Chỉ đạo xây dựng Chương trình đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045, bảo đảm tập trung, trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, trùng lặp.

h) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh đưa các nhiệm vụ về chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào chương trình, kế hoạch công tác giai đoạn 2026-2030; chủ động đặt hàng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn, cấp bách của địa phương và từng ngành, lĩnh vực.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

a) Xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết, phân công trách nhiệm rõ ràng, xác định thời hạn hoàn thành và chỉ tiêu đánh giá.

Người đứng đầu cấp ủy cơ quan, địa phương phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai và chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể. Kế hoạch cần xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể trong năm 2026 (*Tập trung các chỉ tiêu về số lượng đề tài, dự án ứng dụng KH&CN; doanh nghiệp KH&CN; sáng kiến; tỉ lệ đóng góp của TFP; dịch vụ công trực tuyến; tỷ lệ dân số có tài khoản định danh điện tử; số lượng doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số...*). Đồng thời, phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho từng nhiệm vụ và cần xác định rõ nguồn lực thực hiện (*nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất...*).

b) Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

Người đứng đầu cấp ủy cơ quan, đơn vị, địa phương phải đưa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo vào chương trình, kế hoạch công tác năm; tích cực đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để giải quyết các vấn đề thực tiễn tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng hằng năm của cán bộ, công chức.

c) Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Huy động các cơ quan báo chí của địa phương, Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin các sở, ban ngành để phổ biến lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đa dạng hóa hình thức truyền thông (*báo chí, truyền hình, phát thanh, mạng xã hội...*);

- Xây dựng kênh truyền thông chuyên biệt (*cổng thông tin, bản tin, chuyên mục truyền hình địa phương...*) về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo,

chuyển đổi số. Xây dựng chương trình truyền thông riêng cho từng đối tượng cán bộ lãnh đạo, chuyên viên, doanh nghiệp, người dân...

d) Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn.

- Mặt trận Tổ quốc vận động, đoàn thể, hiệp hội doanh nghiệp tham gia tuyên truyền; lồng ghép với phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo.

- Khơi dậy các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

e) Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số.

- Ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp.

- Kiểm tra, giám sát thường xuyên, liên tục các hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức trên không gian mạng.

3. Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật (*các quy định về lĩnh vực đất đai, đầu tư, mua sắm công, thủ tục hành chính, sở hữu trí tuệ, thuế, tín dụng...*) nhằm loại bỏ rào cản, tháo gỡ điểm nghẽn và tạo ra các chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu, phát triển và chuyển đổi số. Xây dựng cơ chế đặc thù, đề xuất và áp dụng các chính sách vượt trội, hỗ trợ tài chính để thu hút các dự án công nghệ cao và các tài năng hàng đầu trong lĩnh vực này. Đồng thời, cần đẩy mạnh xã hội hóa, kêu gọi vốn đầu tư tư nhân và áp dụng mô hình hợp tác công - tư cho các dự án hạ tầng số. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ, thiết lập cơ chế cho phép thử nghiệm các công nghệ và mô hình kinh doanh mới (mô hình “sandbox”) một cách có kiểm soát. Bên cạnh đó, cần tạo ra các chính sách hỗ trợ cụ thể cho các doanh nghiệp khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, đặc biệt là các doanh nghiệp công nghệ số.

b) Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm, dự án chuyển đổi số, đồng thời kêu gọi xã hội hóa (*hợp tác công - tư, quỹ đầu tư mạo hiểm...*).

c) Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ, startup tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực.

d) Tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương.

đ) Bố trí đủ nguồn lực, ngân sách, phân bổ đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2026 - 2030; trong đó, ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định tại Khoản 6, Điều 3, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

4. Phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số

a) Xây dựng, triển khai các Kế hoạch phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng. Khẩn trương lồng ghép các nhiệm vụ phát triển hạ tầng số vào quy hoạch tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

b) Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (*khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...*), có tính kết nối, liên thông; thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (*4G, 5G, 6G, cáp quang*) đến các vùng sâu, vùng xa; nâng cấp đường truyền cho cơ quan, đơn vị của tỉnh.

d) Công bố danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung theo quy định. Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành.

đ) Đưa các hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường mạng, hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định.

e) Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Triển khai các nền tảng du lịch thông minh, nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

5. Xây dựng chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

a) Hình thành và phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển của tỉnh. Xây dựng hoặc nâng cấp các cơ sở nghiên cứu, vườn ươm khởi nghiệp, không gian sáng tạo; thu hút đầu tư từ doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu. Tạo điều kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống.

b) Khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Xây dựng chính sách đột phá nhằm khuyến khích và thúc đẩy mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ cao. Hỗ trợ thủ tục pháp lý, văn phòng làm việc, đào tạo kỹ năng quản trị, marketing, gọi vốn... kết nối quỹ đầu tư, nhà đầu tư thiên thần, cộng đồng cổ vấn cho các dự án khởi nghiệp tại địa phương.

c) Nâng cao năng lực nghiên cứu, ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ giải quyết vấn đề bức thiết (*năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, thủy sản, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục...*).

6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

a) Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao. Xác định rõ nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực; xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao; có chính sách ưu đãi để thu hút, giữ chân nhân tài.

b) Tập trung, ưu tiên bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức. Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng cán bộ; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia, du học, thực tập...

c) Chủ động, đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề của địa phương, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường. Có giải pháp, lộ trình tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao. Tăng cường đào tạo về kỹ năng số, kiến thức về công nghệ mới; khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo; triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số; tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm.

d) Tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực. Thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo...

đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành. Tăng cường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nên hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh và an toàn.

e) Xây dựng chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia. Tạo môi trường làm việc thông thoáng, văn minh, ban hành chính sách đãi ngộ, hỗ trợ (*nhà ở, lương*

thường, môi trường nghiên cứu và phát triển...) để thu hút chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi đến làm việc.

7. Thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số cấp tỉnh

a) Thúc đẩy triển khai các nền tảng số. Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (*dân cư, đất đai, doanh nghiệp...*) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu. Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp của các cơ quan, đơn vị, địa phương; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số; duy trì, phát triển Trung tâm điều hành thông minh ở cấp tỉnh. Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Du lịch, công nghiệp, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường... Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh; số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn tỉnh, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

b) Xây dựng các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (*quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...*). Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu. Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain trong nông nghiệp, chế biến... Xây dựng cổng thông tin hoặc sàn thương mại điện tử cấp tỉnh hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing. Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Việt Nam. Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

8. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

a) Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

b) Tăng cường an ninh mạng; duy trì, nâng cấp trung tâm giám sát an ninh mạng tỉnh Lâm Đồng; xây dựng đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố; ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng; định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng; tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng; xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

c) Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng. Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan Trung ương (*Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ*), có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn. Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “*Make in Việt Nam*”.

9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

a) Hợp tác với địa phương lân cận, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học. Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết (*chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...*), phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo. Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học - công nghệ cấp vùng. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược. Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

b) Tăng cường hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài, khuyến khích kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao. Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu, xây dựng thương hiệu địa phương về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ. Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài, ưu tiên các đối tác có thế mạnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược từ nước ngoài vào địa phương, khuyến khích các doanh nghiệp của địa phương hợp tác với các đối tác nước ngoài. Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến địa phương làm việc, hợp tác.

10. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

a) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch năm 2026, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kịp thời có các điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

b) Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê

duyet, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, kết quả của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy

a) Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (viết tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh), các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng quán triệt, triển khai hiệu quả Kế hoạch năm 2026; định kỳ nghe Ban Chỉ đạo tỉnh báo cáo về tiến độ, kết quả, những vấn đề phát sinh liên quan đến triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư.

b) Quyết định các vấn đề quan trọng, chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có sự thay đổi lớn về bối cảnh (*chính sách, công nghệ, điều kiện kinh tế - xã hội...*); xem xét, cho ý kiến về cơ chế đặc thù, chính sách khuyến khích, cân đối nguồn lực đầu tư cho khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

c) Chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh để kiểm tra, giám sát, khen thưởng, biểu dương, xử lý tập thể, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong thực hiện Kế hoạch năm 2026.

2. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo tỉnh

a) Lãnh đạo, điều hành thống nhất các tổ chức, cơ quan, đơn vị tại địa phương triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; ban hành các chiến lược, đơn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương để bảo đảm tiến độ, chất lượng thực hiện Kế hoạch năm 2026.

b) Kịp thời đề xuất, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chính sách, giải pháp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khi có khó khăn, vướng mắc; báo cáo tiến độ định kỳ hoặc đột xuất.

c) Xây dựng chương trình làm việc với các sở, ban ngành, địa phương; chỉ đạo xử lý kịp thời những sai sót, chậm trễ. Trực tiếp chỉ đạo thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh sử dụng Hệ thống theodoi.nq.dcs.vn để theo dõi, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan trong phạm vi quản lý.

d) Hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá kết quả sau mỗi giai đoạn (*3 tháng, 6 tháng, 1 năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ*), báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương khi có yêu cầu.

3. Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy

a) Xây dựng Kế hoạch cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đặc thù của cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai Kế hoạch năm 2026.

b) Lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp (*Ủy ban nhân dân, Hội đồng*

nhân dân, Mặt trận Tổ quốc) cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp tại địa bàn (*phát triển hạ tầng số, huy động nguồn lực, đào tạo nhân lực...*).

c) Định kỳ báo cáo tiến độ, kiến nghị về Ban Chỉ đạo tỉnh; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh; phối hợp với các đoàn kiểm tra, giám sát do Ban Chỉ đạo tỉnh, các ban đảng cấp trên tiến hành.

d) Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm tổ chức sơ kết, tổng kết ở cấp cơ sở, đánh giá kết quả thực hiện tại địa phương, đơn vị; biểu dương những điển hình tốt; đề xuất giải pháp mới.

đ) Tạo cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp... tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

4. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Tổ chức xây dựng, ban hành và triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án cụ thể về phát triển hạ tầng số, dữ liệu số; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực; thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục và các lĩnh vực trọng điểm khác. Việc triển khai phải được phân kỳ theo năm và giai đoạn 5 năm, gắn với phân bổ ngân sách hợp lý, huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ và bền vững. Nghiên cứu, lựa chọn tối thiểu 03 bài toán lớn gắn với điều kiện thực tiễn, lợi thế và dư địa tăng trưởng của địa phương mình (*công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao; chế biến - chế tạo; du lịch; logistics; y tế; giáo dục; quản trị đô thị...*), tổ chức đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để giải quyết ngay trong năm 2026.

b) Chủ động tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo tỉnh các giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; định kỳ và thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh về tình hình, kết quả triển khai, những khó khăn, vướng mắc phát sinh; kịp thời xin ý kiến chỉ đạo đối với các vấn đề vượt thẩm quyền.

c) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc tiến độ và chất lượng thực hiện; chủ động xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

d) Tham mưu, đề xuất và ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách về thu hút đầu tư, thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, công nghệ cao; hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ưu tiên bố trí ngân sách, thúc đẩy hợp tác công tư, khuyến khích hình thành và phát triển các quỹ đầu tư mạo hiểm; đồng thời tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính và pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh.

đ) Định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo

tỉnh và Thường trực Tỉnh ủy về kết quả triển khai thực hiện; đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ. Chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, kế hoạch, đề án theo từng giai đoạn; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu; tham mưu đề xuất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn khi cần thiết.

5. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy

a) Văn phòng Tỉnh ủy

Thực hiện vai trò Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác tham mưu, theo dõi, kiểm tra tiến độ, báo cáo Ban Chỉ đạo và theo quy chế làm việc của Tỉnh ủy; bảo đảm thông tin kịp thời, thông suốt.

b) Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cho chủ trương bố trí phù hợp đối với cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy các cấp. Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan đảng các cấp, nhất là chính sách trọng dụng cán bộ có trình độ, năng lực khoa học, kỹ thuật, công nghệ để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.

Chủ trì, phối hợp tham mưu triển khai các ứng dụng do Trung ương chuyển giao như Sổ tay đảng viên điện tử, cơ sở dữ liệu đảng viên, Hệ thống thông tin lĩnh vực tổ chức - xây dựng đảng,...

Phối hợp đề xuất tập thể, cá nhân tiêu biểu về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quá trình triển khai thực hiện để kịp thời biểu dương, khen thưởng.

c) Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh để quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

Chỉ đạo công tác theo dõi, đôn đốc, khảo sát nắm tình hình việc tổ chức thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” trên toàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp tổ chức khai thác Hệ thống thông tin lĩnh vực Tuyên giáo – Dân vận.

d) Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

Phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, phát hiện và xử lý vi phạm, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy.

Chủ trì, phối hợp triển khai hệ thống theo dõi, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ trên Hệ thống do Ủy ban Kiểm tra Trung ương triển khai.

đ) Ban Nội chính Tỉnh ủy

Theo dõi, tổng hợp tình hình, nghiên cứu đề xuất giải pháp đấu tranh với sai phạm trong triển khai các dự án khoa học, công nghệ.

Chủ trì, phối hợp tổ chức khai thác Hệ thống thông tin lĩnh vực nội chính, cải cách tư pháp.

6. Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Lãnh đạo, chỉ đạo ban hành các cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

b) Chủ trì, phối hợp triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành công việc của Hội đồng nhân dân các cấp.

7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

a) Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch năm 2026.

b) Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện (*phản ánh những khó khăn, bất cập lên Ban Chỉ đạo Trung ương*).

c) Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội, hiệp hội... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

d) Chủ trì, phối hợp triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành công việc của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các đoàn thể chính trị - xã hội.

8. Cơ chế thông tin, báo cáo và kiểm tra, giám sát

a) Thông tin, báo cáo định kỳ

Các cấp ủy đảng, các cơ quan, đơn vị, địa phương định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch năm 2026 gửi về Ban Chỉ đạo tỉnh (*thông qua Văn phòng Tỉnh ủy – Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh*) để tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo Trung ương; thường xuyên cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Trung ương.

b) Kiểm tra, giám sát

Thực hiện theo Chương trình số 10-CTr/TU, ngày 30/12/2025 về Chương trình công tác kiểm tra, giám sát năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

9. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ

a) Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn xã hội hóa và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

b) Khuyến khích các mô hình hợp tác công tư trong đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo.

c) Xây dựng cơ chế linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí, tiêu cực. *B.H*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, *(để báo cáo)*
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh,
- Báo và Phát thanh, truyền hình Lâm Đồng,
- Trường chính trị tỉnh,
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh,
- Đảng ủy các xã, phường, đặc khu,
- Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh,
- Thành viên Tổ Giúp việc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ



Y Thanh Hà Niê Kdăm